

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 02 - 5 - 2018

V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Trọng Kim

2/ Ông Lê Đức Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, đã xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 284/2017/TLST-DS, ngày 28/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-DS ngày 26/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Địa chỉ: Số 227 đường 3/2, khu phố 8, TT. Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trung L. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1976 và ông Lê Minh H, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố 8, TT. Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Phùng Thị N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 8, TT. Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt người đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Ngày 06/4/2015, bà Nguyễn Thị Kim C ký hợp đồng tín dụng loại ngắn hạn số Q15/102/HĐTD để vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận vay trong hạn 1%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5%/tháng; Thời hạn vay 12 tháng; Mục đích vay vốn nhằm gia công mặt hàng may mặc; Hợp đồng vay vốn được đảm bảo thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba đứng tên người sử dụng là bà Phùng Thị N theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số Q15/102/HĐTC ngày 06/4/2015. Sau khi vay, vợ chồng bà C đã trả được 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 06/4/2016. Số tiền gốc 30.000.000 đồng còn lại thì vợ chồng bà C xin gia hạn đến ngày 06/4/2017 sẽ trả dứt điểm. Tuy nhiên, thời hạn trả nợ đã đến nhưng bà C và ông H không trả được nợ. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu bà C và ông H phải trả số nợ gốc 30.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 06/4/2016 đến ngày 06/4/2017. Tiền lãi trong hạn: 30.000.000 đồng x 1%/tháng x 365 ngày = 3.650.000 đồng;

- Từ ngày 06/4/2017 đến ngày 02/5/2018. Tiền lãi phát sinh là: (30.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 391 ngày = 5.865.000 đồng;

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 9.515.000 đồng.

Nếu bà C và ông H không trả được nợ thì Quỹ tín dụng Đ yêu cầu Tòa án tuyên quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà Phùng Thị N để thu hồi nợ.

Tại bản khai và biên bản hòa giải ngày 13/12/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà C thừa nhận vợ chồng bà có vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đ 100.000.000 đồng; đã trả được 70.000.000 đồng nợ gốc. Hiện còn nợ lại 30.000.000 đồng tiền gốc cùng số tiền lãi theo yêu cầu của Quỹ tín dụng. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà chưa có khả năng trả được nợ. Tại phiên hòa giải, bà C đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng Đ nhưng đề nghị được gia hạn đến ngày 13/01/2018 bà sẽ trả hết nợ. Nếu không trả được nợ thì bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, đến nay bà vẫn chưa trả được nợ như đã cam kết.

Tại bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2018 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phùng Thị N trình bày: Bà N là di ruột của bà C. Vào năm 2015, bà N có dùng tài sản là quyền sử dụng đất của bà để đứng ra ký hợp đồng thế chấp số Q15/102/HĐTC ngày 06/4/2015 nhằm bảo đảm cho vợ chồng cô C, anh H vay 100.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Đ. Nay nếu vợ chồng cô C chưa trả hết nợ trên thì đề nghị Tòa án buộc vợ chồng cô C trả nợ cho Quỹ tín dụng. Về tài sản bảo đảm thì bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thông báo cho ông H biết về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không có mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập để làm cơ sở xem xét, giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung thì căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ là hoàn toàn có căn cứ, bởi bà C đã thừa nhận số nợ vay còn lại 30.000.000 đồng cùng số tiền lãi phát sinh. Bà N thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho vợ chồng bà C vay vốn. Do vợ chồng bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc liên đới trả nợ theo yêu cầu của phía nguyên đơn là đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại tiền lãi do Quỹ tín dụng tính lãi theo ngày là chưa đúng thỏa thuận của hợp đồng. Cụ thể tiền lãi trong hạn

12 tháng bằng 3.600.000 đồng, còn tiền lãi quá hạn được tính theo lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 06/4/2017 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. TAND huyện Đức Linh xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng pháp luật.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào các Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

[2] Về áp dụng án lệ: Xét thấy nội dung tranh chấp của vụ án này có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong Án lệ số 08/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/10/2016, cụ thể “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ này để giải quyết.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 06/4/2015 và hợp đồng thế chấp bằng QSDĐ của bên thứ ba số Q15/102/HĐTC ngày 06/4/2015 đều có chữ ký của ông H. Như vậy, có căn cứ xác định được ông H và bà C cùng thống nhất đứng ra vay vốn để làm ăn. Xét thấy, hợp đồng tín dụng được Quỹ tín dụng nhân dân Đ và bà Nguyễn Thị Kim C ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy

định của pháp luật. Trong đó có các điều khoản ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của các bên. Bên cho vay là Quỹ tín dụng Đ đã thực hiện đúng, đủ phần nghĩa vụ của mình, còn bên vay vốn là bà C, ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết, cụ thể là vi phạm thời hạn thanh toán nợ. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ là có căn cứ và đúng pháp luật. Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà C và ông H phải có nghĩa vụ trả số nợ vay cho Quỹ tín dụng Đ là đúng pháp luật. Xét thấy cách thức tính tiền lãi theo ngày của Quỹ tín dụng Đ là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại tiền lãi cụ thể như sau:

- Từ ngày 06/4/2016 đến ngày 06/4/2017. Tiền lãi phát sinh là: 30.000.000 đồng $\times$ 1% $\times$ 12 tháng = 3.600.000 đồng;

- Từ ngày 06/4/2017 đến ngày 02/5/2018. Tiền lãi phát sinh là: (30.000.000 đồng $\times$ 1,5% $\times$ 12 tháng) + (30.000.000 đồng $\times$ 1,5%/30 $\times$ 26 ngày) = 5.790.000 đồng;

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 9.390.000 đồng.

Về tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 626, tờ bản đồ 02B, diện tích 760 m², tọa lạc tại khu phố 8, TT. Đ. Trong đó có 100 m² đất ở và 660 m² đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phùng Thị N. Do bà N đã dùng tài sản này để thế chấp nhằm đảm bảo khoản vay tại Quỹ tín dụng Đ của vợ chồng bà C. Việc đăng ký thế chấp được các bên thực hiện đúng quy định của Bộ luật dân sự và luật Đất đai. Do đó, nếu bà C và ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng Đ được quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Q15/102/HĐTC ngày 06/4/2015 để thu hồi nợ.

Từ phân tích trên, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Minh H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 39.390.000 đồng là đúng pháp luật. Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 9.390.000 đồng. Buộc bà C và ông H phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng trên số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Quỹ tín dụng. Nếu vợ chồng bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Quỹ tín dụng Đ có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ được chấp nhận, nên buộc bà C và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 08/2016/AL; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Minh H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền: 39.390.000 đồng (ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng). Trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 9.390.000 đồng. Bà C và ông H còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng kể từ ngày 03/5/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

Nếu bà C và ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân Đ được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bà Phùng Thị N theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba số Q15/102/HĐTC ngày 06 tháng 4 năm 2015 để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Minh H phải chịu 1.970.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ 924.000 đồng, là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018049 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 02/5/2018; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Trần Phước Hiệu